Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4002.51.00

Mã HS	4002.51.00
Mô tả hàng hóa	Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su acrylonitril-butadien (NBR): / - - Dạng latex (dạng mủ cao su)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 17:02:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/40025100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6342
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6342
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6342
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP	1	1%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM6342
Thuế XK ưu đãi EVFTA	1	1%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP6342
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	1	1%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS6342

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6131
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6092
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6092
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6092
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6092
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6092
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6092
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6136
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6136
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6136
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6136

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6136
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6136
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6134
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6134
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6134
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6134
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6134
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6134
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6142
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6098
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6094
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6094
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6094
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6094
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6094
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6094
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6118
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6118
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6118
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6118
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6118
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6118
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6160
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6160
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6160
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6160

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6160
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6160
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6145
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6145
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6145
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6145
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6145
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6145
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6148
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6148
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6148
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6148
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6148
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6148
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6133
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6133
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6133
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6133
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6133
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6133
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6135
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6135
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6135
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6135
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6135
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6135

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6120
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6120
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6120
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6120
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6120
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6120
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6120
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6138
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6138
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6138
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6138
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6138
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6138
RCEP B	2022	2022	0	B!D6138
RCEP B	2023	2023	0	B!E6138
RCEP B	2024	2024	0	B!F6138
RCEP B	2025	2025	0	B!G6138
RCEP B	2026	2026	0	B!H6138
RCEP B	2027	2027	0	B!I6138
RCEP C	2022	2022	0	C!D6138
RCEP C	2023	2023	0	C!E6138
RCEP C	2024	2024	0	C!F6138
RCEP C	2025	2025	0	C!G6138
RCEP C	2026	2026	0	C!H6138
RCEP C	2027	2027	0	C!I6138
RCEP D	2022	2022	0	D!D6138

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E6138
RCEP D	2024	2024	0	D!F6138
RCEP D	2025	2025	0	D!G6138
RCEP D	2026	2026	0	D!H6138
RCEP D	2027	2027	0	D!I6138
RCEP E	2022	2022	0	E!D6141
RCEP E	2023	2023	0	E!E6141
RCEP E	2024	2024	0	E!F6141
RCEP E	2025	2025	0	E!G6141
RCEP E	2026	2026	0	E!H6141
RCEP E	2027	2027	0	E!I6141
RCEP F	2022	2022	0	F!D6138
RCEP F	2023	2023	0	F!E6138
RCEP F	2024	2024	0	F!F6138
RCEP F	2025	2025	0	F!G6138
RCEP F	2026	2026	0	F!H6138
RCEP F	2027	2027	0	F!I6138
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5680
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5680
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5680
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5680

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4002.51.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4002.51.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6342), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.